

CÔNG TY TNHH SX VÀ TM THIÊN PHÚC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SX VÀ TM THIÊN PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301279133

3. Ngày thành lập: 28/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Nhất Trai, Xã Minh Tân, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0973824889

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
12.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
13.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
14.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
15.	Bán buôn tổng hợp	4690
16.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
17.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
18.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
19.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
20.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
21.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
22.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
23.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071

24.	Sản xuất đường	1072
25.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
26.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
27.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
28.	Sản xuất chè	1076
29.	Sản xuất cà phê	1077
30.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
31.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
32.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
33.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
34.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
35.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
36.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
37.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
38.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
39.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
40.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
41.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029(Chính)
42.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
43.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
44.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
45.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
46.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
47.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
48.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
49.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
50.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
51.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
52.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
53.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
54.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
55.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
56.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
57.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
58.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
61.	Bốc xếp hàng hóa	5224
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
64.	Xây dựng nhà để ở	4101
65.	Xây dựng nhà không để ở	4102
66.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
67.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
68.	Xây dựng công trình điện	4221
69.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
70.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
71.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
72.	Xây dựng công trình thủy	4291
73.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
74.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
75.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
76.	Phá dỡ	4311
77.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
78.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẮC DƯƠNG		Thôn Nhất Trai, Xã Minh Tân, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	14.000.000.000	70,000	2300977921	
2	NGUYỄN VĂN MONG	Việt Nam	Thôn Văn Thai, Xã Cẩm Văn, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	6.000.000.000	30,000	030084015621	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN LĂNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/04/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030079017774

Ngày cấp: 06/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 133 Đặng Thai Mai, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 133 Đặng Thai Mai, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh